TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐỨC PHỔ** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 28/2023/DS-ST Ngày:04-8-2023 V/v "Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hồng Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tiếp

2. Bà Lê Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Dung- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Ông Lê Trung Hiếu- Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 và ngày 04 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2022/TLST- DS ngày 20 tháng 12 năm 2022 về việc: "*Tranh chấp về thừa kế quyền sử dụng đất"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 581/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 728/2023/QĐST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hữu H , sinh năm 1955
  Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường PH, thị xã ĐP , tỉnh Quảng Ngãi.
- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu H1, sinh năm 1952
  Địa chỉ: Thôn XC, xã XS, huyện VN, tỉnh Khánh Hòa
- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*
  + Bà Nguyễn Thị B , sinh năm 1968
  + Bà Nguyễn Thị C , sinh năm 1957
  Cùng địa chỉ: Tổ dân phố A, phường PH, thị xã ĐP , tỉnh Quảng Ngãi.
  + Bà Nguyễn Thị N , sinh năm 1953

Địa chỉ: Thôn NB, xã PN, thị xã ĐP, tỉnh Quảng Ngãi

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị C là: Ông Nguyễn Hữu H , sinh năm 1955; Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường PH, thị xã ĐP , tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H có mặt, bị đơn ông Nguyễn Hữu H1 vắng mặt lần thứ hai; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B , bà Nguyễn Thị N có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/10/2022, đơn khởi kiện bổ sung, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H , đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C trình bày:

Cha ông là ông Nguyễn Hữu S đã chết năm 1964 và mẹ ông là bà Nguyễn Thị Đ chết năm 2011. Cha mẹ ông có 05 người con là bà Nguyễn Thị N , ông Nguyễn Hữu H1, bà Nguyễn Thị C , bà Nguyễn Thị B và ông. Các anh chị em của ông đều có gia đình và nhà cửa riêng. Cha mẹ ông không lập di chúc. Di sản do ông S và bà Đ để lại là thửa đất số 358, tờ bản đồ số 4 phường PH , thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi có diện tích là 538,8 m^2 trong đó đất ở lâu dài 136m^2, đất trồng cây hàng năm khác 402,8 m^2.

Ông và bà Nguyễn Thị C yêu cầu chia thừa kế thửa đất 358 thành 05 năm kỷ phần, mỗi 01 kỷ phần tương đương 107,76 m^2, trong đó có 27,2 m^2 đất ở và 80,56 m^2 đất trồng cây hàng năm khác. Giá đất ở 3.100.000 đồng/m^2, giá đất trồng cây hàng năm khác là 42.000 đồng/m^2. Giá trị mỗi kỷ phần là 87.703.520 đồng.

Giữa ông, bà N , bà C thống nhất cách chia: chia theo chiều ngang mặt tiền đường Quốc lộ 1A, từ phía Nam đến phía Bắc thửa đất, vị trí đầu tiên chia cho bà N , tiếp theo đến phần đất giao cho ông H , phần tiếp theo là chia cho bà C , tiếp đến là phần giao cho bà Bảy và phần đất liền kề đường vào trường tiểu học PH giao cho ông Nguyễn Hữu H1. Ông yêu cầu được nhận hiện vật để sau này cho con trai ở và để thờ cúng ông bà. Ông yêu cầu giao cho ông H1 vị trí ngoài cùng phía Bắc giáp với đường vào trường học tiểu học PH vì ông H1 là con trai thứ trong gia đình, còn phần bà Nguyễn Thị B nếu giao cho vị trí khác vẫn có thể buôn bán được.

Trước đây trên đất có ngôi nhà của mẹ nhưng đến năm 1999 nhà sụp nên năm 2000 ông có xây dựng lại ngôi nhà cấp IV như hiện nay, sau khi mẹ chết thì ông quản lý sử dụng đến nay. Ngoài ra trên thửa đất còn có 01 nhà tạm bằng tre do ông Nguyễn Hữu H1 dựng cuối năm 2022 và các tài sản khác như cây trồng, mái hiên, nền xi măng. Việc xử lý ngôi nhà cấp IV: tháo dỡ hay thanh toán giá trị quyền sử dụng đất, anh chị em trong gia đình ông tự giải quyết. Tài sản trên đất ông và bà C không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Việc ông H1 yêu cầu được chia 50 m^2 đất ở, ông và bà C không đồng ý.

Chi phí tố tụng, ông đã nộp tạm ứng, ông tự nguyện chịu.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Hữu H1 trình bày:

Quan hệ huyết thống và hàng thừa kế của ông Nguyễn Hữu S và bà Nguyễn Thị Đ, ông thống nhất như lời trình bày của ông Nguyễn Hữu H . Cha mẹ ông chết không để lại di chúc, tài sản của ông S và bà Đ để lại là thửa đất số 358, tờ bản đồ số 4 phường PH , thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi có diện tích là 538,8m^2 trong đó đất ở lâu dài 136m^2, đất trồng cây hàng năm khác 402,8 m^2.

Ông đồng ý chia thửa đất thành 5 kỷ phần, mỗi 01 kỷ phần tương đương 107,8 m^2. Giá đất ở 3.100.000 đồng/m^2, giá đất trồng cây hàng năm là 42.000 đồng/m^2. Ông yêu cầu chia cho ông tại vị trí đầu tiên ở phía Bắc giáp đường vào Trường Tiểu học PH và trong kỷ phần của ông được nhận phải có 50 m^2 đất ở vì ông cũng là con trai thứ hai trong gia đình.

Trên đất có 01 nhà cấp IV, nhà này do anh chị em trong nhà đóng góp để xây dựng cho mẹ ở, có 01 nhà tạm bằng tre do ông dựng cuối năm 2022. Ngôi nhà cấp IV ở phía Nam thửa đất, nếu giao cho đồng thừa kế khác thì không phải thối lại giá trị cho ông, nhà này ông không tranh chấp. Nhà tạm bằng tre của ông, nếu nằm trên phần đất của người khác thì ông sẽ tháo dỡ.

Về cây trồng trên đất, các tài sản khác trên phần đất được chia cho người nào thì người đó được nhận, ông không tranh chấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B trình bày:

Cha bà là ông Nguyễn Hữu S chết năm 1964 và mẹ là bà Nguyễn Thị Đ chết năm 2011 có 05 người con như nguyên đơn trình bày. Các anh chị em của bà đều có nhà cửa riêng, ổn định.

Di sản cha mẹ để lại là thửa đất số 358, tờ bản đồ số 4 phường PH , thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Trên đất hiện nay có 01 nhà cấp IV do ông H đã xây dựng và 01 nhà tạm do ông H1 dựng cuối năm 2022.

Bà thống nhất với yêu cầu chia thừa kế làm 5 kỷ phần của nguyên đơn. Bà yêu cầu được chia thừa kế bằng hiện vật ở phía Bắc thửa đất liền kề với đường vào trường Tiểu học để bà có đất xây quán nước nhỏ bán cho học sinh. Trước đây giữa bà và ông Nguyễn Hữu H1 có thống nhất để cho bà được chọn phần đất ngoài cùng nhưng hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói.

Ngôi nhà cấp IV do ông H xây dựng, giao cho đồng thừa kế khác thì bà không yêu cầu thối lại giá trị, bà không tranh chấp nhà và các tài sản trên đất.

Việc ông H1 yêu cầu được chia 50 m^2 đất ở, bà không đồng ý.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày:

Quan hệ huyết thống, hàng thừa kế, cách chia và vị trí chia bà thống nhất như ý kiến của nguyên đơn. Di sản cha mẹ để lại là thửa đất số 358, tờ bản đồ số 4 phường PH , thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Trên đất có 01 nhà cấp IV của ông H và 01 nhà tạm do ông H1 dựng cuối năm 2022. Bà yêu cầu được nhận bằng hiện vật để sau này bà cho con trai của bà. Ngôi nhà cấp IV ở vị trí gần nửa khu vườn, ở phần đất bà, bà C và ông H xin được chia. Ngôi nhà này giữa bà, bà C và ông H xử lý tháo dỡ hay thanh toán giá trị quyền sử đất, việc này các bên tự thỏa thuận giải quyết, tài sản trên đất bà không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc ông H1 yêu cầu được chia 50 m^2 đất ở, bà không đồng ý.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật trong quá trình chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 612, 613, 649, 650 và Điều 651 Bộ luật dân sự 2015, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chia thửa đất số 358, tờ bản đồ số 4 phường PH, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi làm 5 kỷ phần, mỗi thừa kế đều được nhận hiện vật là 107,76 m^2, trong đó có 27,2 m^2 đất ở và 80,56 m^2 đất trồng cây hàng năm khác, tài sản trên đất các bên không tranh chấp, tự thỏa thuận giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thẩm quyền: Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H khởi kiện tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất với bị đơn ông Nguyễn Hữu H1 tại thửa đất ở Tổ dân phố A, phường PH, thị xã ĐP , tỉnh Quảng Ngãi nên căn cứ vào khoản 5 Điều 26 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Hữu H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Học.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ huyết thống và hàng thừa kế: Các bên đương sự đều thừa nhận ông Nguyễn Hữu S và bà Nguyễn Thị Đ có 5 người con. Ông Sáu chết năm 1964, bà Đậu chết năm 2011. Hàng thừa kế của ông Sáu, bà Đậu gồm: bà Nguyễn Thị N , ông Nguyễn Hữu H , ông Nguyễn Hữu H1, bà Nguyễn Thị C và bà Nguyễn Thị B .

[3.2] Về di sản thừa kế:

Các bên đương sự đều thừa nhận tài sản của ông Nguyễn Hữu S và bà Nguyễn Thị Đ để lại là thửa đất số 358, tờ bản đồ số 4 phường PH, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, diện tích 538,8m^2 đất,trong đó đất ở lâu dài 136m^2, đất trồng cây hàng năm khác 402,8 m^2. Thửa đất này đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2006 đứng tên là bà Nguyễn Thị Đ.

Về cách chia:

Các bên đương sự đều yêu cầu chia thừa kế thửa đất thành 5 kỷ phần: mỗi kỷ phần tương đương 107,76 m^2, trong đó có 27,2 m^2 đất ở và 80,56 m^2 đất trồng cây hàng năm khác. Giá đất ở 3.100.000 đồng/m^2, giá đất trồng cây hàng năm khác là 42.000 đồng/m^2. Giá trị mỗi kỷ phần là 87.703.520 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu H1 yêu cầu được chia 50 m^2 đất ở trong kỷ phần của mình. Việc ông H1 xin được nhận loại đất ở nhiều hơn không được các đồng thừa kế khác đồng ý, xét thấy quyền lợi nhận thừa kế của các bên là ngang nhau do vậy yêu cầu của ông H1 là không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Về vị trí chia ở phía Nam thửa đất, trên thửa đất có nhà cấp IV do ông H xây dựng: nguyên đơn ông H yêu cầu chia từ phía Nam ra phía Bắc, vị trí đầu tiên là của bà N , tiếp đến là của ông H và kế tiếp là của bà C . Cách chia này bà N , bà C , bà Bảy đều thống nhất theo ý kiến của ông H . Về phía ông H1 không có ý kiến phản đối khi giao phần đất có nhà cấp IV cho đồng thừa kế khác. Do vậy vị trí chia ở phía Nam theo ý kiến của ông H là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về vị trí chia ở phía Bắc thửa đất, liền kề với đường vào Trường Tiểu học PH : Bị đơn ông Nguyễn Hữu H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B đều muốn được chọn vị trí này. Bà Bảy khai đã được ông H1 đồng ý để cho bà được chọn vị trí này, tuy nhiên bà không tài liệu nào chứng minh việc này. Nguyện vọng của ông H1 chọn vị trí này được sự thống nhất của ông H , bà N , bà C . Mặt khác vị trí thửa đất đối diện với Quốc lộ A nên bà Bảy được giao vị trí phía bên trong vẫn có thể buôn bán được như trình bày của nguyên đơn là có cơ sở. Do vậy Hội đồng xét xử thống nhất chia vị trí phía Bắc giáp đường vào Trường Tiểu học PH cho ông Học, kế tiếp là phần đất giao cho bà Bảy là phù hợp.

Ngôi nhà cấp IV, nhà tạm bằng tre và các tài sản khác trên đất các bên đương sự không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Như vậy thửa đất số 358, tờ bản đồ số 4 phường PH , thị xã Đức Phổ được chia cụ thể như sau:

Chia cho ông Nguyễn Hữu H1 được quyền sử dụng 107,76 m^2, trong đó có 27,2 m^2 đất ở và 80,56 m^2 đất trồng cây hàng năm khác, giới cận:

Phía Bắc giáp đường vào trường Tiểu học PH dài 17,08 m

Phía Nam giáp phần đất giao cho bà Nguyễn Thị B dài 17,12 m

Phía Tây giáp thửa 337, 393 (trường học) dài 6,3 m

Phía Đông giáp đường QL.1A dài 6,31 m

Chia cho bà Nguyễn Thị B được quyền sử dụng 107,76 m^2, trong đó có 27,2 m^2 đất ở và 80,56 m^2 đất trồng cây hàng năm khác, giới cận:

Phía Bắc giáp phần diện tích đất giao cho ông Nguyễn Hữu H1 dài 17,12 m

Phía Nam giáp phần đất giao cho bà Nguyễn Thị C dài 17,15 m

Phía Tây giáp thửa 337, 393 (trường học) dài 6,29 m

Phía Đông giáp đường QL.1A dài 6,29 m

Chia cho bà Nguyễn Thị C được quyền sử dụng 107,76 m^2, trong đó có 27,2 m^2 đất ở và 80,56 m^2 đất trồng cây hàng năm khác, giới cận:

Phía Bắc giáp phần diện tích đất giao cho bà Nguyễn Thị B dài 17,15 m

Phía Nam giáp phần đất giao cho ông Nguyễn Hữu H dài 17,19 m

Phía Tây giáp thửa 337, 393 (trường học) dài 6,27 m

Phía Đông giáp đường QL.1A dài 1,83 m+4,44 m

Chia cho ông Nguyễn Hữu H được quyền sử dụng 107,76 m^2, trong đó có 27,2 m^2 đất ở và 80,56 m^2 đất trồng cây hàng năm khác, giới cận:

Phía Bắc giáp phần diện tích đất giao cho bà Nguyễn Thị C dài 17,19 m

Phía Nam giáp phần đất giao cho bà Nguyễn Thị N dài 16,74 m

Phía Tây giáp thửa 337, 393 (trường học) dài (4,44+1,84) m

Phía Đông giáp đường QL.1A dài 5,29+1,09 m

Chia cho bà Nguyễn Thị N được quyền sử dụng 107,76 m^2, trong đó có 27,2 m^2 đất ở và 80,56 m^2 đất trồng cây hàng năm khác, giới cận:

Phía Bắc giáp phần đất giao cho ông Nguyễn Hữu H dài 16,74 m

Phía Nam giáp thửa đất 394 dài 17,16 m

Phía Tây giáp thửa 337, 393 (trường học) dài 6,57 m

Phía Đông giáp đường QL.1A dài (1,1+3,26 +2,47) m

Giá trị kỷ phần mỗi người được nhận là 87.703.520 đồng.

(có sơ đồ bản vẽ kèm theo)

Các đương sự có nghĩa vụ thực hiện việc kê khai đăng ký phần diện tích đất được chia và sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc là 6.000.000 đồng *(sáu triệu đồng),* nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H đã nộp tạm ứng, ông H tự nguyện chịu, đã chi phí xong.

[4] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Hữu H , ông Nguyễn Hữu H1, bà Nguyễn Thị N , bà Nguyễn Thị C thuộc diện người cao tuổi nên các ông bà không phải chịu án phí. Bà Nguyễn Thị B phải chịu 4.385.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 5 Điều 26, điểm c Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 612, 613, 649, 650 và Điều 651 Bộ luật dân sự 2015

- Căn cứ Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xác định di sản thừa kế do ông Nguyễn Hữu S và bà Nguyễn Thị Đ để lại là thửa đất số 358, tờ bản đồ số 4 phường PH , thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, diện tích 538,8m^2 đất, trong đó đất ở 136m^2, đất trồng cây hàng năm khác 402,8 m^2.

Chia thừa kế tthửa đất thành 5 kỷ phần: mỗi kỷ phần tương đương 107,76 m^2, trong đó có 27,2 m^2 đất ở và 80,56 m^2 đất trồng cây hàng năm khác. Giá đất ở 3.100.000 đồng/m^2, giá đất trồng cây hàng năm khác là 42.000 đồng/m^2. Giá trị mỗi kỷ phần là 87.703.520 đồng, cụ thể chia như sau:

Chia cho ông Nguyễn Hữu H1 được quyền sử dụng 107,76 m^2, trong đó có 27,2 m^2 đất ở và 80,56 m^2 đất trồng cây hàng năm khác (ký hiệu A1) giới cận:

Phía Bắc giáp đường vào Trường Tiểu học PH dài 17,08 m

Phía Nam giáp phần đất giao cho bà Nguyễn Thị B dài 17,12 m

Phía Tây giáp thửa 337, 393 (trường học) dài 6,3 m

Phía Đông giáp đường QL.1A dài 6,31 m

Chia cho bà Nguyễn Thị B được quyền sử dụng 107,76 m^2, trong đó có 27,2 m^2 đất ở và 80,56 m^2 đất trồng cây hàng năm khác, (ký hiệu A2) giới cận:

Phía Bắc giáp phần đất giao cho ông Nguyễn Hữu H1 dài 17,12 m

Phía Nam giáp phần đất giao cho bà Nguyễn Thị C dài 17,15 m

Phía Tây giáp thửa 337, 393 (trường học) dài 6,29 m

Phía Đông giáp đường QL.1A dài 6,29 m

Chia cho bà Nguyễn Thị C được quyền sử dụng 107,76 m^2, trong đó có 27,2 m^2 đất ở và 80,56 m^2 đất trồng cây hàng năm khác, (ký hiệu A3) giới cận:

Phía Bắc giáp phần diện tích đất giao cho bà Nguyễn Thị B dài 17,15 m

Phía Nam giáp phần đất giao cho ông Nguyễn Hữu H dài 17,19 m

Phía Tây giáp thửa 337, 393 (trường học) dài 6,27 m

Phía Đông giáp đường QL.1A dài (1,83+4,44) m

Chia cho ông Nguyễn Hữu H được quyền sử dụng 107,76 m^2, trong đó có 27,2 m^2 đất ở và 80,56 m^2 đất trồng cây hàng năm khác, (ký hiệu A4) giới cận:

Phía Bắc giáp phần diện tích đất giao cho bà Nguyễn Thị C dài 17,19 m

Phía Nam giáp phần đất giao cho bà Nguyễn Thị N dài 16,74 m

Phía Tây giáp thửa 337, 393 (trường học) dài (4,44+1,84) m

Phía Đông giáp đường QL.1A dài (5,29+1,09) m

Chia cho bà Nguyễn Thị N được quyền sử dụng 107,76 m^2, trong đó có 27,2 m^2 đất ở và 80,56 m^2 đất trồng cây hàng năm khác, (ký hiệu A5) giới cận:

Phía Bắc giáp phần đất giao cho ông Nguyễn Hữu H dài 16,74 m

Phía Nam giáp thửa đất 394 dài 17,16 m

Phía Tây giáp thửa 337, 393 (trường học) dài 6,57 m

Phía Đông giáp đường QL.1A dài (1,1+3,26 +2,47) m

(có sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án)

Các đương sự có nghĩa vụ thực hiện việc kê khai đăng ký phần diện tích đất được chia và sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc là 6.000.000 đồng *(sáu triệu đồng),* nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H đã nộp tạm ứng, ông H tự nguyện chịu, đã chi phí xong.

Về án phí: Ông Nguyễn Hữu H , ông Nguyễn Hữu H1, bà Nguyễn Thị N , bà Nguyễn Thị C không phải chịu án phí. Bà Nguyễn Thị B phải chịu 4.385.000 đồng *(bốn triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã;
- THADS thị xã;
- TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đoàn Thị Hồng Mỹ